

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 23-02-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân vay tài sản”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Minh Tuấn
Ông Trịnh Hoàng Giang
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ - Kiểm sát viên.
Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023. Giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt TMCP) ĐViệt Nam.
Địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Tr Nguyên.
Địa chỉ: Số 264E L, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
Người được ủy quyền lại: Chị Trịnh Quyền A, sinh năm 1999. Có mặt.
Cùng địa chỉ: Lâu 6, 131 T, phường P, quận N, thành phố Cần Thơ.
- Bị đơn: Chị Võ Như Q, sinh năm 1990. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 83, ấp T1 (nay là ấp T1), xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Chị Trịnh Quyền A trình bày:

Ngày 06/08/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam có ký hợp đồng hạn mức thấu chi số 1208/2018/HĐHMTCP/PVB-CNKG với chị Võ Như Q cho vay tiền để phục vụ tiêu dùng, số tiền gốc là 60.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 17.5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm, lãi suất 03 tháng điều chỉnh 01 lần, thời hạn vay 12 tháng, trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 15, ngày 06/8/2019 thì đến hạn. Hình thức vay là tín chấp không có tài sản bảo đảm.

Từ lúc vay cho đến nay, chị Q đã thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng được số tiền 9.832629 đồng. Sau đó, Ngân hàng có nhiều lần đến trao đổi, nhắc nhở nhưng chị Q vẫn không thực theo hợp đồng đã giao kết. Hiện hợp đồng đã quá hạn thanh toán.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam yêu cầu chị Võ Như Q phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng hạn mức thấu chi số 1208/2018/HĐHMTCP/PVB-CNKG ngày 06/8/2018, tạm tính đến ngày 23/02/2023 là 116.898.635 đồng, trong đó nợ gốc là: 60.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 632.836 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 55.966.438 đồng, lãi chậm trả lãi là 299.360 đồng. Ngoài ra, yêu cầu chị Q còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 23/02/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại bản tự khai - chị Võ Như Q trình bày: Chị Q thừa nhận có vay hợp đồng thấu chi với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam, vốn gốc là 60.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi con nhỏ nên chị chưa thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng. Chị Q xin trả dần tiền gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng và yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm bớt tiền lãi, sau khi trả hết tiền nợ gốc, chị sẽ trả tiền lãi 7.000.000 đồng.

Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam khởi kiện yêu cầu chị Võ Như Q phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn - chị Võ Như Q được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tố tụng nhưng chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Xét thấy việc vắng mặt của chị Q không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Q.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng hạn mức thấu chi số 1208/2018/HĐHMTCT/PVB-CNKG ngày 06/8/2018 thể hiện chị Q vay tiền mục đích vay tiêu dùng vốn gốc là 60.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 17.5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm, 03 tháng điều chỉnh lãi suất 01 lần, thời hạn vay 12 tháng, trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15, đến hạn ngày 06/8/2019. Hình thức vay là tín chấp không có tài sản bảo đảm.

Xét thấy hợp đồng tín dụng trên được lập thành văn bản, các bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng được xác lập đảm bảo về mặt nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 117, 118, 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án chị Q thừa nhận việc vay vốn theo hợp đồng hạn mức thấu chi với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 06/8/2019 chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Ngân hàng đã đến đôn đốc, nhắc nhở thể hiện theo biên bản làm việc ngày 09/7/2020 chị Q có hứa trả mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng vẫn không thực hiện theo cam kết. Chị Q đã vi phạm hợp đồng đã giao kết nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam đối với chị Q về trả nợ gốc 60.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam đối với chị Q:

Ngân hàng yêu cầu chị Q phải thA toán cho Ngân hàng số tiền lãi tạm tính đến ngày 22/02/2023 và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày xét xử cho đến ngày thA toán hết nợ. Xét thấy ngày giao kết hợp đồng là ngày 06/8/2018, ngày đến hạn là 06/8/2019, cụ thể các khoản lãi theo bảng kê chi tiết lãi ngày 23/02/2023 cụ thể là:

Lãi suất trong hạn từ ngày 07/8/2018 đến ngày 05/8/2019, mức lãi 17.5%/năm là 10.465.465 đồng, khấu trừ số tiền lãi chị Q đã thanh toán là 9.832.629 đồng, còn nợ lại 632.836 đồng.

Lãi trên gốc quá hạn từ ngày 06/8/2019 đến ngày 22/02/2023, mức lãi 150% (17.5%) là 26.25%/01 năm là 55.966.438 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ ngày 15/9/2018 đến ngày 22/02/2023, mức lãi 10% x 632.837 = 224.874 đồng.

Xét thấy yêu cầu trả nợ lãi của ngân hàng là phù hợp với nội dung hai bên đã tự nguyện thỏa thuận khi giao kết và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7,

khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam đối với chị Võ Như Q. Buộc chị Q phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng hạn mức thấu chi số 1208/2018/HĐHMTCP/PVB-CNKG ngày 06/8/2018, tạm tính đến ngày 23/02/2023 tổng cộng là 116.898.635 đồng, trong đó nợ gốc là: 60.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 632.836 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 55.966.438 đồng, lãi chậm trả lãi là 299.360 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 116.898.635 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Việc chị Q đề nghị phía Ngân hàng xem xét cho thời gian trả dần hàng tháng tiền vốn vay và giảm tiền lãi nhưng không được phía Ngân hàng chấp nhận, nên đề nghị của chị Q không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam đã nộp là 2.699.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008698 ngày 23/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Chị Võ Như Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 116.898.635 đồng x 5% = 5.844.931 đồng làm tròn là 5.845.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam đối với chị Võ Như Q.

- Buộc chị Võ Như Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 632.836 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 55.966.438 đồng, lãi chậm trả lãi là 299.360 đồng. Tổng cộng là: 116.898.635 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam đã nộp là 2.699.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008698 ngày 23/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Chị Võ Như Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 116.898.635 đồng x 5% = 5.844.931 đồng làm tròn là 5.845.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm, bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Báo cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 23/02/2023. Chị Q được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

